TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quý Bộ.
2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; (xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; (xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 17/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống. Năm 2014 chị bị liệt chân, phải đi phục hồi chức năng, thời gian đó anh K chăm chị được 01 tuần thì đòi bố mẹ đẻ cho một miếng đất nhưng bố mẹ chị không đồng ý, bố mẹ chị phải lo chữa bệnh cho chị, nhưng anh K không nghe còn dùng những lời lẽ xúc phạm gia đình chị và làm đơn xin ly hôn, chị đã ký. Sau đó, do mọi người khuyên can nên anh K không nộp đơn lên Tòa, anh chị tiếp tục chung

sống với nhau. Đến năm 2018, vợ chồng lại nảy sinh xung đột, nguyên nhân do anh K nghi ngờ chị có quan hệ với người khác nên đã có những lời lẽ xúc phạm chị. Cách đây vài tháng, anh K còn dùng dây sạc điện thoại siết cổ chị, có lần anh K đi uống rượu về còn mua xăng đòi đốt nhà, chị đã ngăn lại và bị đổ xăng lên người. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh K, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Duy A sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Thế A, sinh ngày 13/6/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Nếu chị được giao nuôi cả hai con, chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn K trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị T đã khai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều xung đột, xô sát. Nguyên nhân là năm 2014 chị T bị liệt chân không đi lại được, vợ chồng xảy ra xô xát và anh có làm đơn xin ly hôn chị T, nhưng sau đó được gia đình khuyên can nên anh không nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nữa. Anh đã xin chị T tha thứ và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2018, vợ chồng lại xảy ra nhiều xô xát. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ chị T nhưng chị T không nghe nên hiện tại anh không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Anh không không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng tập trung cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị T đã trình bày. Do anh bận đi làm nên anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị T nuôi giúp anh từ 3-5 năm.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh K, chị T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 17/02/2009. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nhưng đến năm 2014 khi chị T bị liệt chân không đi lại được thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh K có viết đơn xin ly hôn nhưng sau đó không nộp đơn lên Tòa, vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau. Từ cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, va chạm do anh K nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Chị T, anh K thường bất đồng quan điểm, cãi chửi lẫn nhau.

* Cháu Nguyễn Duy A và cháu Nguyễn Thế A đều ý kiến xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị T được ly hôn với anh K. Về con chung: Đề nghị giao cho chị T, anh K mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và trước đó họ đã ý kiến xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh K, chị T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh K chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến xin đoàn tụ của anh K, Hội đồng xét xử thấy: Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng chị T anh K đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng thiếu sự sẻ chia, cảm thông cho nhau trước những khó khăn trong cuộc sống. Mặt khác anh K không tin tưởng chị T nên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, từ đó mà có những xử xự không phù hợp, thiếu tôn trọng đối với chị T. Nay chị T không còn thương yêu, không còn tình cảm với anh K và kiên quyết xin ly hôn anh K, anh K tuy mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa anh T chị K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn anh K là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị T anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Thế A, sinh ngày 13/6/2012. Lời khai của anh K thể hiện hiện nay anh chưa có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các con vì còn bận làm ăn. Trong khi cả hai cháu Duy A, cháu Thế A đều xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, và chị T cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Vì vậy để đảm bảo cao nhất quyền

lợi của các con, cần giao cả hai cháu Nguyễn Duy A và cháu Nguyễn Thế A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị T, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 13/6/2012 và Nguyễn Duy A, sinh ngày 19/3/2009 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005571 ngày 11 /7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung